

Bản án số: 200/2019/DS-ST

Ngày: 06-06-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2/ Ông Phan Thành Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 04 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐHPT-ST ngày 17 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP QĐ.

Trụ sở: Lầu 5, số 538 X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T.

(Theo văn bản ủy quyền số 2574/UQ-MBAMC ngày 07/8/2018 của Ngân Hàng TMCP QĐ) (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 211/4/1 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP QĐ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 13/7/2016, Ngân Hàng TMCP QĐ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng QĐ) và ông Lê Minh M, bà Nguyễn Thị Thanh T ký hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; Văn bản sửa

đổi, bổ sung đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Theo hợp đồng Ngân hàng QĐ cho ông M và bà T vay số tiền 377.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay là 72 tháng (07/2016 đến 07/2022), lãi suất cố định là 8.5% với thời hạn 01 năm kể từ tháng 07/2016 đến tháng 07/2017. Sau đó, áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất huy động vốn tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng loại trả sau của ngân hàng xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 4.2%/năm. Thực hiện thanh toán vào ngày 20 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên ông M, bà T và Ngân hàng QĐ ký kết Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 18034.16.101.2832766 ngày 13/7/2016, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT 05 chỗ, số khung RLLSF69YDGH936028, số máy F15S3160280290, biển kiểm soát 51F-725.95 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2016 cho ông Lê Minh M. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/7/2016 tại Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M và bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền vay 81.150.000 đồng (trong đó tiền gốc là 58.873.511 đồng, số tiền lãi là 22.276.489 đồng. Từ ngày 10/6/2017 đến nay ông M và bà T đã vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn. Ngân hàng QĐ đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu ông M, bà T trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm để ngân hàng xử lý nợ tuy nhiên ông M và bà T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, Ngân hàng QĐ yêu cầu Toà án buộc ông M và bà T phải trả ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/06/2019 là 456.303.154 đồng (trong đó nợ gốc là 318.126.489 đồng và lãi quá hạn là 138.176.665 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất tiếp tục phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 07/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp ông M và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đảm bảo hợp pháp của ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T là xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT 05 chỗ, số khung RLLSF69YDGH936028, số máy F15S3160280290, biển kiểm soát 51F-725.95 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2016 cho ông Lê Minh M để thu hồi nợ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông M và bà T đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông M và bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng QĐ xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kiến nghị về việc Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án trễ hạn cho đương sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766; Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 18034.16.101.2832766; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và văn bản sửa đổi bổ sung đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng QĐ với ông M, bà T, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông M, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng QĐ yêu cầu bị đơn ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn là ông M và bà T có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Giấy ủy quyền số 2754/UQ-MBAMC ngày 07/8/2018 của Ngân hàng QĐ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tiến tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, ông Nguyễn Văn Tiến đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766; Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 18034.16.101.2832766; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và văn bản sửa đổi bổ sung đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016 của Ngân hàng QĐ với ông M, bà T được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và văn bản sửa đổi bổ sung đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016, hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã vay và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Căn cứ bản sao kê và bản tự khai do Ngân hàng QĐ cung cấp thể hiện ông M và bà T đã thanh toán số tiền gốc là 58.873.511 đồng và số tiền lãi là 22.276.489 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 10/6/2017 đến nay, ông M và bà T không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn. Như vậy, ông M và bà T vi phạm nghĩa vụ cam kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Căn cứ Điều 2, điểm 6.1.1, 6.1.3, mục c khoản 6.2.2.1 và điểm 6.3.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766 ngày 13/7/2016 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì Ngân hàng QĐ có quyền chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn.

Xét thấy, ông M và bà T không thanh toán số tiền gốc đã vay là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết và các bên không có thoả thuận khác, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định về phương thức trả nợ tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766 ngày 13/7/2016 và quy định về xử lý nợ tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc là 318.126.489 đồng.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo khoản 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766 ngày 13/7/2016 của Ngân hàng QĐ áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là “*Áp dụng lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”, như vậy theo thoả thuận ông M và bà T phải chịu lãi suất là 11.50%/năm. Nguyên đơn yêu cầu ông M và bà T trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 10/6/2017 đến ngày 06/6/2019 là 138.176.665 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 07/06/2019 cho đến khi ông M và bà T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và văn bản sửa đổi bổ sung đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/7/2016 của Ngân hàng QĐ.

Ông M và bà T đã dùng tài sản là chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT 05 chỗ, số khung RLLSF69YDGH936028, số máy F15S3160280290, biển kiểm soát 51F-725.95 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2016 cho ông Lê Minh M để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Nay ông M và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng nên ngân hàng có quyền

yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với Điều 5 của Hợp đồng thế chấp ô tô hình thành từ vốn vay số 18034.16.101.2832766 ngày 13/7/2016.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền gốc và lãi còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền là 456.303.154 (Bốn trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, một trăm năm mươi bốn) đồng [trong đó tiền nợ gốc là 318.126.489 (Ba trăm mười tám triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi chín) đồng, tiền lãi là 138.176.665 (Một trăm ba mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi lăm) đồng] cho Ngân Hàng TMCP QĐ, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi sẽ tiếp tục tính từ ngày 07/6/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận và mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 18033.16.101.2832766 ngày 13/7/2016; Đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ và văn bản sửa đổi bổ sung đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ ngày 13/7/2016.

Sau khi ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán dứt số nợ trên, Ngân Hàng TMCP QĐ có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm đã thế chấp là xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT 05 chỗ, số khung RLLSF69YDGH936028, số máy F15S3160280290, biển kiểm soát 51F-725.95 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2016 cho ông Lê Minh M.

Trường hợp ông M và bà T không thanh toán thì Ngân Hàng TMCP QĐ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp là xe xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo LT 05 chỗ, số khung RLLSF69YDGH936028, số máy F15S3160280290, biển kiểm soát 51F-725.95 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2016 cho ông Lê Minh M để thu hồi nợ. Sau khi trừ đi các khoản chi phí phát mãi theo quy định của pháp luật, số tiền phát mãi được dùng để thanh toán cho Ngân Hàng TMCP QĐ. Trường hợp còn dư thì hoàn lại cho ông Lê Minh M và bà Nguyễn Thị Thanh T, nếu không đủ thì ông M và bà T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân Hàng TMCP QĐ.

* Án phí dân sự sơ thẩm: 22.252.126 (Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, một trăm hai mươi sáu) đồng, ông M và bà T chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.070.000 (Chín triệu, không trăm bảy mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016424 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan